

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYỀN
TỈNH AN GIANG**

Bản án số: 43/2018/DS-ST
Ngày: 20-8-2018
V/v “T/c Hợp đồng vay tài sản”

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN-TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Phương Quyền

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Thành Thật

Bà Lê Thị Thanh Vân

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Trung Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên.

- Đại diện Viện kiểm sát viên nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Hường – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2018 tại Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 76/2017/TLST-DS ngày 04 tháng 5 năm 2017 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2018/QĐXX-ST ngày 09 tháng 7 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 67/2018/QĐST-DS ngày 25 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị T, sinh năm 1963

Địa chỉ: 127/13, khóm Đông Thịnh 7, phường Mỹ P, Tp.Long Xuyên, tỉnh An Giang – Có mặt

Bị đơn: Ông Đặng Trần T, sinh năm 1977

Địa chỉ: Số D21, khóm Đông Thịnh 2, phường Mỹ P, Tp.Long Xuyên, tỉnh An Giang – Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Quốc K, sinh năm 1983. Địa chỉ: 70/7B đường Lê Văn Nhung, phường Mỹ B, Tp.Long Xuyên, tỉnh An Giang – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 16/3/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Huỳnh Thị T trình bày:

Do chỗ quen biết bà có cho ông T vay nhiều lần tiền những lần vay trước thì ông T đều thanh toán đầy đủ. Sau đó vào ngày 25/7/2016 ông T hỏi vay 70.000.000đ; Ngày 10/8/2016 vay thêm 50.000.000đ. Tổng cộng 120.000.000đ, các lần vay này ông T đều có làm biên nhận và ký tên. Do thời hạn vay mỗi lần khoảng 10 ngày nên không thỏa thuận lãi suất, ông T chỉ nói đến hẹn trả nợ ông sẽ gửi tiền cà phê cho bà nhưng từ khi vay cho đến nay ông T không trả vốn cũng như đóng lãi, mặc dù bà đã nhiều lần yêu cầu nhưng ông T chỉ hứa hẹn mà không thực hiện. Nên bà mới khởi kiện yêu cầu ông Đặng Tàn T có nghĩa vụ trả cho bà số tiền còn nợ là 120.000.000đ. Trong quá trình giải quyết vụ án thì bà T thay đổi yêu cầu khởi kiện, bà xin rút lại yêu cầu khởi kiện đối với khoản vay 50.000.000đ và chỉ yêu cầu ông T trả số tiền 70.000.000đ theo biên nhận nợ ngày 25/7/2016 đồng thời yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật từ ngày 25/7/2016 cho đến khi xét xử. Việc ông T cho rằng vay tiền dùm cho ông K thì đó là quan hệ vay mượn giữa ông K với ông T, bà không biết ông K nên bà không có ý kiến. Thực tế ông T là người trực tiếp nhận tiền và ký biên nhận nợ thì phải có nghĩa vụ trả nợ cho bà.

* Bị đơn ông Đặng Trần T vắng mặt tại phiên Tòa nhưng tại bản tự khai ngày 14/7/2017 và Biên bản đối chất ngày 01/8/2017 ông T trình bày:

Do biết bà T có cho vay tiền nên ông mới giới thiệu người em rể của ông tên Trần Quốc K để vay tiền của bà T: Vào ngày 25/7/2016 vay 70.000.000đ và ngày 10/8/2016 vay 50.000.000đ, do ông K không có ở nhà nên ông T là người trực tiếp nhận tiền và ký biên nhận nợ với bà T. Khi nhận tiền xong thì ông đưa hết lại cho ông K, ông K có đưa tiền cho ông đóng lãi cho bà T mỗi tuần là 5.000.000đ đóng được bao nhiêu lần thì ông không nhớ. Thời gian sau ông K có đưa cho ông 50.000.000đ trả cho bà T, bà T nhận tiền và ghi là đã “*nhận chú T 50.000.000đ vào ngày 30/8dl*” nên hiện nay chỉ còn nợ 70.000.000đ, số tiền trên ông chỉ vay dùm cho K nên ông không đồng ý trả theo yêu cầu của bà T.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Quốc K vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại bản tự khai ngày 18/7/2017 và Biên bản đối chất ngày 01/8/2017 trình bày:

Vào năm 2016 do cần tiền để làm ăn nên ông có nhờ ông T vay dùm tiền của bà T hai lần: Lần 1: Ngày 25/7/2016 T vay dùm ông 70.000.000đ; Lần 2: Ngày 10/8/2016 T vay dùm ông 50.000.000đ. Tổng cộng là 120.000.000đ (một trăm hai mươi triệu đồng), ông T là người trực tiếp nhận tiền và ký biên nhận nợ với bà T, lãi suất thỏa thuận miệng là 20%/tháng. Sau khi nhận tiền từ ông T thì ông có đưa tiền cho ông T đóng lãi cho bà T được 04 tháng với số tiền khoảng 80.000.000đ (tám mươi triệu đồng). Ngày 30/8/2016 ông có đưa cho ông T trả cho bà T được 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng), bà T có ký biên nhận nhận số tiền này nên chỉ còn nợ bà T 70.000.000đ. Do số tiền này ông nhờ ông T vay dùm nên ông xin được đứng ra trả cho bà T và xin khấu trừ tiền lãi khoảng 80.000.000đ mà ông đã đưa tiền cho ông T đóng lãi cho bà T. Sau khi khấu trừ vào gốc còn nợ lại bao nhiêu ông sẽ thanh toán đủ.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

* Bà Huỳnh Thị T yêu cầu ông T phải có trách nhiệm trả bà số tiền 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng). Đối với yêu cầu lãi suất tại phiên tòa hôm nay, bà T yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật từ ngày làm đơn khởi kiện 16/3/2017 cho đến ngày 20/8/2018.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung tranh chấp: Vào ngày 25/7/2016, bà T có cho ông T vay 70.000.000đ; Ngày 10/8/2016 vay 50.000.000đ. Tổng cộng 120.000.000đ. Do ông T vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên bà T yêu cầu ông T có nghĩa vụ trả cho bà 120.000.000đ. Trong quá trình giải quyết vụ án bà T rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 50.000.000đ; chỉ yêu cầu 70.000.000đ. Bị đơn ông T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Quốc K cho rằng: Ông T là người đứng ra vay dùm cho ông K và có trả được 50.000.000đ, hiện còn nợ 70.000.000đ. Do ông K là người nhận tiền nên ông K là người có nghĩa vụ trả nợ cho bà T. Xét lời trình bày của các đương sự: Do quen biết nên bà T quen cho ông T vay tiền, ông T có viết biên nhận và nhận tiền nên bà T khởi kiện yêu cầu ông T trả vốn lãi cho bà là có căn cứ. Việc thỏa thuận vay tiền dùm giữa ông K với ông T là quan hệ giao riêng giữa hai ông; mặc dù ông K có ý kiến sẽ trả nợ vay cho bà T nhưng không được bà T chấp nhận nên không có cơ sở để xem xét đối với yêu cầu này của ông T, ông K. Từ những chứng cứ nêu trên nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, buộc ông Đặng Trần T thực hiện nghĩa vụ trả vốn vay 70.000.000đ và lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày 16/3/2017 đến ngày 20/8/2018. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu khởi kiện buộc ông T thực hiện nghĩa vụ trả vốn vay 50.000.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tranh chấp giữa bà Huỳnh Thị T với ông Đặng Trần T là tranh chấp hợp đồng dân sự (Hợp đồng vay tài sản), tranh chấp thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Bà Huỳnh Thị T là nguyên đơn trong vụ án, khởi kiện và xác định ông Đặng Trần T là bị đơn, ông Trần Quốc K là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp theo quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Trong quá trình giải quyết vụ án bà Thoa có ủy quyền cho ông Hứa Hoàng C tham gia tố tụng nhưng sau đó giữa bà T và ông C thỏa thuận chấm dứt hợp đồng ủy

quyền vào ngày 15/6/2018, việc ủy quyền và chấm dứt đại diện theo ủy quyền này là phù hợp với Điều 562, Điều 569 Bộ luật dân sự 2015; Điều 85, Điều 89 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 nên được chấp nhận. Do đó tại phiên tòa hôm nay bà T là người trực tiếp tham gia phiên Tòa là phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

Bị đơn ông Đặng Trần T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Quốc K đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng về phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải cũng như quyết định xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông T và ông K vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Đặng Trần T, và ông Trần Quốc K.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

Giữa nguyên đơn và bị đơn có xác lập giao dịch dân sự trước ngày Bộ luật dân sự 2015 có hiệu lực, do nội dung và hình thức giao dịch trên khác với quy định của Bộ luật này. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự 2015 để giải quyết vụ án.

[3] Về yêu cầu khởi kiện: Tại phiên hòa giải ngày 27/6/2018 cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Huỳnh Thị T có yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 50.000.000đ, việc rút yêu cầu này của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện phù hợp với Điều 70, Điều 71; khoản 2 Điều 219; khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu 50.000.000đ này của bà T.

[4] Về nội dung tranh chấp:

Vào ngày 25/7/2016 và 10/8/2016 ông T hỏi vay của bà 70.000.000đ và 50.000.000đ, có làm biên nhận do ông T ký tên. Tổng cộng hai lần vay là 120.000.000đ. Khi vay hai bên không thỏa thuận lãi, thời hạn vay mỗi lần khoảng 10 ngày. Do ông T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như thỏa thuận nên bà khởi kiện yêu cầu ông T có nghĩa vụ trả cho bà số tiền còn nợ theo hai biên nhận là 120.000.000đ. Sau đó bà rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, bà chỉ yêu cầu ông T trả cho bà 70.000.000đ. Bị đơn ông T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Quốc K cho rằng: Ông T là người đứng ra vay dùm cho ông K và có trả được 50.000.000đ, hiện còn nợ 70.000.000đ. Do ông K là người nhận tiền nên ông K là người có nghĩa vụ trả nợ cho bà T.

Nhận thấy: Việc vay mượn giữa nguyên đơn và bị đơn thực tế có xảy ra thể hiện qua các biên nhận ngày 25/7/2016; ngày 10/8/2016, được cả hai bên thừa nhận. Thể hiện qua việc xác lập giấy nhận nợ bằng văn bản ghi rõ họ tên người cho vay là Huỳnh Thị T, người ký vay là Đặng Trần T, số tiền vay thời hạn thành toán là phù hợp với Điều 471 Bộ luật dân sự 2005 nên xác định đây là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn. Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn xin rút yêu cầu khởi kiện đối với khoản vay 50.000.000đ, chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền 70.000.000đ theo biên nhận ngày 25/7/2016. Việc rút yêu cầu này phù hợp

với Điều 70, Điều 71; khoản 2 Điều 219; khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 nên được chấp nhận, do đó Tòa án sẽ đình chỉ đối với phần yêu cầu 50.000.000đ của nguyên đơn. Đối với khoản vay 70.000.000đ theo biên nhận ngày 27/5/2016, đều được nguyên đơn và bị đơn thừa nhận nên nguyên đơn bà T yêu cầu bị đơn ông Đặng Trần T có nghĩa vụ trả cho bà số tiền còn nợ 70.000.000đ là phù hợp với Điều 474, Điều 478 Bộ luật dân sự 2005 nên được chấp.

Việc ông T, ông K cho rằng ông T nhận tiền và ký biên nhận nợ với bà T nhưng ông vay dùm cho ông K và ông K cũng thừa nhận là ông T vay dùm ông nên ông K xin được trả nợ cho bà T thay cho ông T. Việc thỏa thuận này giữa ông K với ông T là giao dịch riêng không liên quan đến việc vay mượn nợ giữa ông T với bà T. Vì thực tế ông K với bà T không hề biết nhau và cũng không có bất bất thỏa thuận nào về việc vay mượn nợ nêu trên nên yêu cầu này của ông T và ông K là không có cơ sở để chấp nhận.

Về lãi suất: Tại phiên Tòa nguyên đơn chỉ yêu cầu tính lãi từ ngày 16/3/2017 đến ngày 20/8/2018 đây là sự tự nguyện của nguyên đơn phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận, do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ ít nhiều gây ảnh hưởng đến nguyên đơn nên nguyên đơn yêu cầu tính lãi là phù hợp với Điều 476 Bộ luật dân sự 2005 nên được chấp nhận. Bị đơn cho rằng có đóng lãi nhưng phía nguyên đơn không thừa nhận ngoài lời trình bày ra thì nguyên đơn không cung cấp được chứng cứ nào khác để chứng minh cho việc đã đóng lãi cho nguyên đơn nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét.

Tiền lãi được tính như sau: Từ ngày 16/3/2016 đến ngày 20/8/2018 là 17 tháng 04 ngày mức lãi suất được áp dụng 9.0%/năm tương đương 0.75%/tháng (Theo Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 có hiệu lực ngày 01/12/2010 của thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

$70.000.000đ \times 0.75\%/tháng \times 17 \text{ tháng } 04 \text{ ngày} = 8.995.000đ$ (tám triệu chín trăm chín mươi lăm nghìn đồng)

Như vậy ông T phải có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền vốn 70.000.000đ + lãi 8.400.000đ = 78.995.000đ (bảy mươi tám triệu chín trăm chín mươi lăm nghìn đồng).

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Huỳnh Thị T được Tòa án chấp nhận nên nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bị đơn ông Đặng Trần T phải có trách nhiệm nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

* Căn cứ vào:

Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản Điều 39; Điều 68; Điều 85, Điều 89; khoản 2 Điều 91; khoản 2 Điều 92; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 471, Điều 474; Điều 476; Điều 478 Bộ luật dân sự 2005;

Điều 2; Điều 6; Điều 7; Điều 9 và Điều 30 Luật Thi hành án dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và án phí Tòa án.

Xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị T đối với bị đơn ông Đặng Trần T.

Buộc ông Đặng Trần T có trách nhiệm trả cho bà Huỳnh Thị T số tiền 78.995.000đ (bảy mươi tám triệu chín trăm chín mươi lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu bên phải thi hành án chưa thanh toán số tiền nêu trên thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị T đối với việc bà Thoa yêu cầu ông Tùng trả số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng)

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Đặng Trần Tùng phải chịu 3.949.000đ (ba triệu chín trăm bốn mươi chín nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho bà Huỳnh Thị T số tiền 3.250.000đ (ba triệu hai trăm năm chục nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0015405 ngày 28/4/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên.

[3] Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

(Đã giải thích Điều 26 Luật thi hành án dân sự)

Nơi nhận:

- Các đương sự
- THA TPLX;
- VKS TPLX
- TAND tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ + VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bùi Phương Quyền

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN

- *Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Quốc Nam

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Ngọc Nguyên

2. Ông Đặng Hữu Tấn

Các cứ vào Điều 264 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Vào hồi giờ phút ngày 24 tháng 4 năm 2018, tại phòng nghị án. Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tiến hành nghị án đối với vụ án dân sự thụ lý số: 243/2017/TLST–DS ngày 08 tháng 11 năm 2017 về việc “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản” giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Huỳnh Ngọc Tuấn**, sinh năm 1959.

Bà **Phó Thị Kim Ngân**, sinh năm 1969.

Địa chỉ: số 102, ấp Phú Hòa 1, xã Bình Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: ông **Nguyễn Thanh Phong**, sinh năm 1992 (Theo văn bản ủy quyền ngày 08/9/2017) – có mặt

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Thành Danh**, sinh năm 1971. (vắng mặt)

Bà **Nguyễn Thị Thanh Thúy**, sinh năm 1973. (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 11, Dự Định 6, khóm 4, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự, Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa.

Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề phải giải quyết trong vụ án như sau:

1. Về điều luật áp dụng:

* **Căn cứ vào:** Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản Điều 39; Điều 68; Điều 85, Điều 86; khoản 2 Điều 91; khoản 2 Điều 92; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, điểm b khoản 1 Điều 238; khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều b khoản 1 Điều 688; Điều 463; Điều 466; Điều 468; Điều 470; Điều 562 Bộ luật dân sự 2015;

Điều 2; Điều 6; Điều 7; Điều 9 và Điều 30 Luật Thi hành án dân sự;

Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Tòa án nhân dân Tối cao.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và án phí Tòa án.

Xử vắng mặt ông Nguyễn Thành Danh, bà Nguyễn Thị Thanh Thúy

(Kết quả biểu quyết 3/3)

2. Về nội dung tranh chấp:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Ngọc Tuấn, bà Phó Thị Kim Ngân đối với bị đơn ông Nguyễn Thành Danh, bà Nguyễn Thị Thanh Thúy.

Buộc ông Nguyễn Thành Danh, bà Nguyễn Thị Thanh Thúy có trách nhiệm liên đới trả cho ông Huỳnh Ngọc Tuấn, bà Phó Thị Kim Ngân số tiền 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu bên phải thi hành án chưa thanh toán số tiền nêu trên thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

(Kết quả biểu quyết 3/3)

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Thành Danh, bà Nguyễn Thị Thanh Thúy phải có trách nhiệm liên đới nộp 10.000.000đ (mười triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho ông Huỳnh Ngọc Tuấn, bà Phó Thị Kim Ngân số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003639 ngày 07/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên.

(Kết quả biểu quyết 3/3)

4. Các vấn đề khác:

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án

dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Giải thích Điều 26 Luật thi hành án Dân sự.

(Kết quả biểu quyết 3/3)

Biên bản kết thúc vào lúc giờ phút cùng ngày, các thành viên trong Hội đồng xét xử được đọc lại và thống nhất ký tên vào biên bản

Nơi nhận:

- Các đương sự
- THA TPLX;
- VKS TPLX
- TAND tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ + VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Quốc Nam

